TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 317/2023/HC-PT
Ngày 11/9/2023
Về *"Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán
Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tiến, ông Nguyễn Cường
- Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thị Hồng Phượng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 138/2023/TLPT-HC ngày 27/6/2023 về *"Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* do Bản án hành chính sơ thẩm số 70/2023/HC-ST ngày 22/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3100/2023/QĐ-PT ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Người khởi kiện: bà Hoàng Thị T; trú tại: nhà số B đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T *là* ông Nguyễn Văn N; địa chỉ: nhà số B đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh ĐắkLắk, có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố B; trụ sở: 01 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B;

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố B *và Chủ tịch* Ủy ban nhân dân thành phố B *là* ông Lê Đại T1 - Phó chủ tịch UBND thành phố B, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Võ Quang H (Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B); địa chỉ: C H, Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; trụ sở: Số A đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; *người đại diện theo ủy quyền là* ông Nguyễn Tấn T2 - Trưởng phòng quản lý công trình dân dụng và Công nghiệp, Hạ tầng kỹ thuật của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố B, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2 Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B; trụ sở: số B H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; *Người đại diện theo uỷ quyền là* ông Võ Thanh P - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3 Phòng Tài nguyên môi trường thành phố B; địa chỉ trụ sở: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2020 và trong quá trình tố tụng, phía người khởi kiện là bà Hoàng Thị T *trình bày:*

Bà T có quyền sử dụng thửa đất số 188, tờ bản đồ số 27, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với nguồn gốc đất do Ủy ban nhân dân thị xã B giao cho ông Nguyễn Văn C (anh họ bà T) năm 1984 diện tích khoảng 1.000m^2. Tháng 7/1984, ông C tặng cho bà T diện tích đất trên và gia đình bà T sử dụng ổn định, được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 28/3/2000. Sau khi ly hôn chồng, năm 2007 bà T làm thủ tục tách thửa diện tích đất trên, thành hai thửa 188 và 189 và chuyển nhượng thửa 189 cho người khác, còn sử dụng thửa 188 đến nay. Ngày 09/01/2019, Ủy ban nhân dân phường T và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố B, vận động bà T hiến tặng một phần diện tích thửa 188 để mở rộng đường Y đến đường G, thành phố B, nhưng bà T không đồng ý và yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường diện tích bị thu hồi nhưng không được chấp nhận. Sáng ngày 29/7/2019, Ủy ban nhân dân phường T mời bà T đến trụ sở, vận động bà T bàn giao mặt bằng để thi công mở rộng đường, nhưng bà T không đồng ý. Sáng ngày 30/7/2019 Chủ tịch UBND phường T cùng lực lượng chức năng tiến hành cưỡng chế thu hồi đất của bà T để thi công mở rộng đường. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T và Ban quản lý dự án xây dựng thành phố B cưỡng chế thu hồi đất của bà T là trái pháp luật nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và Ban quản lý dự án xây dựng thành phố B, thu hồi 200m^2 đất của gia đình bà T là trái pháp luật;

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và Ban quản lý dự án xây dựng thành phố B liên đới bồi thường thiệt hại cho bà T đối với diện tích đất bị cưỡng chế thu hồi.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/02/2022 bà T yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và Ban quản lý dự án xây dựng thành phố B bồi thường thiệt hại tài sản trên đất đối với 240m^2 nền bê tông xi măng giá 2.000 đồng/m^2 x 200m^2 = 480.000.000 đồng; 02 Hầm rút sâu 6m giá 3.000.000 đồng/1 hầm x 2 = 6.000.000 đồng; 02 cây lộc vừng trồng năm thứ 8 giá 13.000.000 đồng/cây x 2 cây = 26.000.000 đồng; 05 bụi dừa cảnh trồng năm thứ 9 giá 5 x 2.000.000 đồng/bụi = 10.000.000 đồng; diện tích đất 237,5 m^2 x 40.000.000 đồng/m^2 =

9.500.000.000 đồng; tổng số tiền bà T yêu cầu bồi thường là 10.022.000.000 đồng.

Ngày 05/8/2023 bà T có đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định người bị kiện là Chủ tịch UBND Thành phố B và Ủy ban nhân dân thành phố B, đồng thời yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho bà T theo quy định của pháp luật; Tuyên bố hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B là trái pháp luật.

Phía người bị kiện là Chủ tịch UBND Thành phố B *và* Ủy ban nhân dân thành phố B mặc dù được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tống đạt Giấy báo, Công văn yêu cầu cung cấp tài liệu cho đại diện ủy quyền của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cũng như đại diện uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhưng không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố B *trình bày:*

Ủy ban nhân dân thành phố B là chủ đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp mở rộng đường G, thành phố B, đoạn đường từ đường H đến đường Y, thành phố B, thuộc Dự án. Ngày 15/01/2018, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Công văn số 157/UBND-DA vận động các hộ gia đình có đất tại đoạn đường bàn giao mặt bằng để xây dựng công trình vì không có kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng. 41 hộ gia đình có đất tại đoạn đường trên đồng ý bàn giao mặt bằng, riêng gia đình bà T không đồng ý nên Ban quản lý dự án xây dựng thành phố B đã phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T vận động bà T bàn giao mặt bằng nhiều lần nhưng bà T không đồng ý. Ngày 22/4/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B ban hành Báo cáo số 75/BC-TNMT xác định nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của hộ gia đình bà T đối với thửa đất số 188, tờ bản đồ số 27, phường T, thành phố B; Báo cáo đề xuất phần diện tích đất nâng cấp mở rộng đường G đoạn từ đường H đến đường Y, không ảnh hưởng đến hiện trạng sử dụng đất của bà T. Mặc dù bà T đã được thông báo về kết quả xác minh nguồn gốc đất, nhưng bà T vẫn không chịu bàn giao mặt bằng để thi công. Ngày 28/6/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Công văn số 2669/UBND-DA giao Ủy ban nhân dân phường T triển khai phương án bảo vệ an ninh trật tự để đơn vị thi công thực hiện thi công dự án, giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố B đôn đốc đơn vị thi công thực hiện thi công hoàn thiện Dự án.

Việc bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và Ban quản lý dự án xây dựng thành phố B, thu hồi 200m^2 đất của gia đình bà là trái pháp luật và buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và Ban quản lý dự án xây dựng thành phố B liên đới bồi thường thiệt hại cho bà T đối với diện tích đất bị cưỡng chế thu hồi và Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và Ban quản lý dự án xây dựng thành phố B bồi thường thiệt hại tài sản trên đất. Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/02/2022 người khởi kiện bà Hoàng Thị T yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B

và Ban quản lý dự án xây dựng thành phố B bồi thường thiệt hại tài sản trên đất với tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 10.022.000.000 đồng là không có căn cứ vì Báo cáo số 75/BC-TNMT của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B xác định diện tích đất thi công nâng cấp đường G, đoạn đường từ đường H đến đường Y không ảnh hưởng đến hiện trạng sử dụng đất của bà T. Do đó, chúng tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường T *trình bày:* UBND Phường T chỉ thực hiện theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B theo nội dung Công văn số 2669/UBND-DA ngày 28/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B. Ngày 29/7/2019, Ủy ban nhân dân phường T mời bà T đến trụ sở, thuyết phục bà T bàn giao mặt bằng để thi công Dự án nâng cấp đường Giải Phóng, đoạn từ đường H đến đường Y nhưng bà T không đồng ý. Vì vậy ngày 30/7/2019 Ủy ban nhân dân phường T đã triển khai lực lượng hỗ trợ đảm bảo an ninh để đơn vị thi công thực hiện thi công Dự án; Ủy ban nhân dân phường T thực hiện hành vi nêu trên, là thực hiện theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B; Ủy ban nhân dân phường T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T. UBND phường T không có trách nhiệm hay thẩm quyền hay tham gia gì trong việc ban hành quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Chủ tịch UBND thành phố B mà bà T khởi kiện. UBND phường T không có thực hiện hành vi hành chính nào mang tính chất quyết định, điều chỉnh đối với quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Chủ tịch UBND thành phố B mà bà T khởi kiện, UBND phường T chỉ thực hiện đúng phần trách nhiệm của chính quyền cơ sở là cử lực lượng tham gia phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan triển khai phương án bảo vệ an ninh trật tự để đơn vị thi công thực hiện theo Công văn số 2669/UBND-DA ngày 28/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và tổ chức vận động, thuyết phục người dân trên địa bàn đang quản lý, sử dụng đất có tài sản, vật kiến trúc có liên quan đến phạm vi công trình xây dựng đường giao thông, đã được nhà nước quy hoạch chỉ giới xây dựng đường giao thông tự giác chấp hành pháp luật về đất đai và xây dựng, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất. Theo đó cùng với việc vận động, thuyết phục hộ bà T, UBND phường T cũng đã vận động, thuyết phục 41 hộ dân khác có sử dụng đất trong khu vực quy hoạch chỉ giới xây dựng đường giao thông tự giác tháo dỡ hàng rào, di dời cây trồng, chậu cây cảnh và các vật kiến trúc khác trên phạm vi phần diện tích của nhà nước quy hoạch chỉ giới xây dựng đường giao thông, bàn giao trả lại mặt bằng cho Nhà nước để đơn vị thi công thực hiện việc thi công công trình giao thông. Do đó chúng tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Tại bản án hành chính sơ thẩm số 70/2023/HC-ST ngày 22/5/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348; khoản 1 Điều 358 của Luật

tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T3*: Về việc* T4 *buộc* Ủy ban nhân dân thành phố B *phải ban hành Quyết định thu hồi đất; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho bà* T3 *theo quy định của pháp luật và* T4 *hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch* Ủy ban nhân dân thành phố B *là trái pháp luật.*

[3] Về chi phí đo đạc kỹ thuật thửa đất, xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bà Hoàng Thị T *phải chịu 2.900.000 đồng (Hai triệu chín trăm ngàn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và 7.149.000 đồng (Bảy triệu một trăm bốn mươi chín ngàn đồng) tiền chi phí đo đạc kỹ thuật thửa đất. Bà* T *được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Tòa án. Bà* T *đã chi phí xong.*

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Hoàng Thị T *được miễn án phí hành chính sơ thẩm.*

- Ngày 26/5/2023 bà Hoàng Thị T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Thu giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật, nên đề nghị bác kháng cáo giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Năm 1984, Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk giao cho ông Nguyễn Văn C diện tích đất khoảng 1.000m^2 tại phường T, thành phố B; tháng 7/1984, ông C chuyển nhượng diện tích đất trên cho bà Hoàng Thị T; năm 1995, bà T chuyển nhượng cho bà Đặng Thị Kim P1 300m^2 đất và ngày 10/8/2018 hộ bà Đặng Thị Kim P1 được UBND thành phố B cấp *Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số CM 736456 đối với thửa đất số 60, tờ bản đồ 27, diện tích **191,6m^2**.

[2] Năm 1997 bà T kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 28/3/2000 *"hộ bà* T*"* được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp *Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất* (không ghi số, không ghi thửa) diện tích

275,38m^2; sau khi bà T ly hôn thì đến ngày 24/5/2013 diện tích 275,38m^2 đất đăng ký biến động sang tên cá nhân bà T. Tiếp đó, ngày 19/12/2007 *"hộ bà* T*"* được UBND thành phố B cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số AI 643573 đối với thửa đất số 134, tờ bản đồ 27 diện tích 284,7m^2. Ngày 06/4/2011 thửa đất số 134 của *"hộ bà* T*"* được UBND thành phố B cấp đổi lại thành *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số BE 010405, thửa đất số 134, tờ bản đồ 27, diện tích 284,7m^2 (lý do cấp đổi do chủ sử dụng đất xin chuyển mục đích sử dụng đất, trong đó có 50m^2 đất ở). Ngày 25/5/2013, UBND thành phố B cấp đổi lại thành *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số BN588621 thửa số 134, tờ bản đồ 27, diện tích 284,7m^2 cho cá nhân bà T. Ngày 06/6/2013, bà T có đơn xin được hợp thửa đất (không ghi số, không ghi thửa) mà bà T được cấp *Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất* 24/5/2013 có diện tích 275,38m^2 và thửa đất số 134, tờ bản đồ 27, diện tích 284,7m^2 mà bà T được *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số BN588621 ngày 25/5/2013 để tách thành 02 thửa đất mới là hai thửa đất số 188 và 189. Ngày 18/6/2013 bà T chuyển nhượng thửa đất số 189 cho vợ chồng ông Hồ Minh A và bà Nguyễn Thị Kim P2 và ngày 28/6/2013 vợ chồng ông A, bà P2 được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 122619 đối với thửa đất số 189, tờ bản đồ 27, diện tích **261,6m^2**. Ngày 15/6/2013, bà T được UBND thành phố B cấp *Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và và tài sản khác gắn liền với đất* số BN575032 đối với thửa đất số 188, tờ bản đồ số 27, diện tích **298,48m^2** và hiện nay bà T đang quản lý, sử dụng thửa đất số 188.

[3] Xét thấy, tổng diện tích đất bà T kê khai, được Nhà nước công nhận có quyền sử dụng đất (gồm đất đã chuyển nhượng cho bà Đặng Thị Kim P1 năm 1995, chuyển nhượng cho vợ chồng ông Hồ Minh A và bà Nguyễn Thị Kim P2 ngày 18/6/2013 và thửa đất số 188, tờ bản đồ số 27, diện tích 298,48m^2 hiện nay bà T đang quản lý, sử dụng) là **751,68m^2**; trong khi *Trích lục địa chính thửa đất* do Công ty TNHH D – Chi nhánh Đ thực hiện ngày 08/12/2022 (bút lục 595) thể hiện diện tích đất bà T đang quản lý, sử dụng là 630,6m^2 gồm 279,0m^2 nằm trong quy hoạch giao thông và 351,6m^2 nằm ngoài quy hoạch giao thông; như vậy, chỉ riêng diện tích 351,6m^2 đất bà T đang sử dụng nằm ngoài quy hoạch giao thông thì diện tích đất bà T chiếm dụng thừa đã là **74,1m^2**.

[4] Từ các tài liệu, chứng cứ và phân tích tại các mục trên, cấp phúc thẩm xét thấy việc UBND thành phố B tổ chức tháo dỡ hàng rào, cây trồng và tài sản trên diện tích đất khoảng 200m^2 nằm trong lộ giới quy hoạch giao thông là không ảnh hưởng đến quyền sử dụng diện tích đất hợp pháp của bà T mà bà T còn được hưởng lợi nhờ việc mở rộng đường; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành Quyết định thu hồi, bồi thường đối với diện tích 200m^2 đất đã tổ chức cưỡng chế thu hồi để mở rộng đường và yêu cầu tuyên bố hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B là trái pháp luật là có căn cứ, đúng pháp luật nên cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bà T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật. Bà T kháng cáo bị bác kháng cáo, nhưng bà T là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 349 của Luật tố tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo của bà Hoàng Thị T và giữ nguyên quyết định tại Bản án hành chính sơ thẩm số 70/2023/HC-ST ngày 22/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Về án phí hành chính phúc thẩm: bà Hoàng Thị T được miễn.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân